

Bản án số: 388/2022/DS-ST

Ngày: 29-9-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Như Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Quốc Trọng.
2. Ông Vũ Ngọc Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 9 năm 2022 và ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 149/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 197/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

ÔNG M, sinh năm 1991 (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(*Giấy ủy quyền số 053/2021/UQ-TTT ngày 29-3-2021*).

2. Bị đơn: Bà Phan Hồng D, sinh năm 1972 (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Số 384/79E LTT, , Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG KHỎI KIỆN:

1. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T cùng bản trình bày của

ÔNG M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ngày 06-01-2016, Ngân hàng T cấp tín dụng cho bà Phan Hồng D theo Hợp đồng cấp tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ theo thu nhập và đề nghị của BÀ D, ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho BÀ D có hạn mức sử dụng là 150,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, BÀ D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 278,467,766 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay, BÀ D đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 339,050,056 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Do BÀ D vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 11-02-2020, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 29-9-2022, BÀ D còn nợ ngân hàng số nợ tổng cộng là 227,296,474 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 105,503,426 đồng.
- Lãi quá hạn: 121,793,048 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu BÀ D trả ngay số nợ trên một lần cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được tính tiếp theo từ ngày 30-9-2022 cho đến khi thanh toán xong nợ. Ngoài ra ngân hàng không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn bà Phan Hồng D trình bày tại Biên bản hòa giải không thành ngày 25-4-2022 như sau:

Ngày 06-01-2016, bà có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Hợp đồng tín dụng thẻ có hạn mức sử dụng là 150.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Mức lãi suất áp dụng là 2,4% như phía nguyên đơn trình bày. Quá trình sử dụng thẻ, do gia cảnh có nhiều biến cố, tình hình tài chính của bà gặp khó khăn, nên bà vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Bà xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 105.503.426 đồng và đồng ý thanh toán khoản tiền nợ gốc cho nguyên đơn chậm nhất là ngày 30/5/2022.

Về yêu cầu trả tiền lãi: Bà yêu cầu xem xét bỏ toàn bộ tiền lãi cho bà.

3. Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh:

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”. Xét bị đơn có nơi cư trú tại Quận 10, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về người đại diện tham gia tố tụng:

Văn bản ủy quyền số 053/2021/UQ-TTT ngày 29-3-2021 của nguyên đơn Ngân hàng T ủy quyền cho ÔNG M đại diện tham gia tố tụng là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận.

[3] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Đại diện nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về việc áp dụng pháp luật:

Hợp đồng cấp tín dụng được hai bên ký ngày 06-01-2016, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T:

Về số tiền nợ gốc:

Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất xác nhận ngày 06-01-2016, Ngân hàng T cấp tín dụng cho bà Phan Hồng D, hạn mức sử dụng là 150,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. BÀ D thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 105.503.426 đồng và đồng ý thanh toán khoản tiền nợ gốc cho nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với tiền nợ gốc.

Về số tiền lãi:

Tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng”. Xét thấy BÀ D vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 11-02-2020, Ngân hàng T đã chuyển toàn bộ dư nợ của BÀ D sang nợ quá hạn là phù hợp thỏa thuận giữa hai bên được quy định tại Điều 23 của giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền nợ lãi quá hạn theo bảng sao kê của nguyên đơn nộp cho Tòa án tính đến ngày 29-9-2022 là 121,793,048 đồng. Tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa

thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Xét thấy lãi suất nợ quá hạn do hai bên thỏa thuận bằng 150% của lãi suất trong hạn là không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

Căn cứ Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Phan Hồng D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc là 105,503,426 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 29-9-2022 là 121,793,048 đồng.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày 30-9-2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005,

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng,

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

- Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Phan Hồng D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T tổng số tiền nợ là 227,296,474 (hai trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn, bốn trăm bảy mươi bốn) đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 105,503,426 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 29-9-2022 là 121,793,048 đồng.

Kể từ ngày 30-9-2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng (là giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 06-01-2016 của ngân hàng).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 11,364,824 (*mười một triệu, ba trăm sáu mươi bốn nghìn, tám trăm hai mươi bốn*) đồng, bà Phan Hồng D chịu.

Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3,666,243 (*ba triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm bốn mươi ba*) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0050139 ngày 02-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng T, bà Phan Hồng D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Như Nhiên